

Số: ~~141~~/TTr-STNMT

Điện Biên, ngày 31 tháng 5 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Dự án di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công  
trình Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu  
thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 15/8/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh Điện Biên, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:



## **I. Mô tả tóm tắt dự án:**

**1. Tên dự án:** Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m, thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường.

**3. Mục tiêu xây dựng:** Di chuyển các tuyến đường dây 22kV và 0,4kV ra khỏi phạm vi giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m, đảm bảo cấp điện cho khách hàng khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án, đảm bảo các tiêu chuẩn của đường điện và đường giao thông.

### **4. Nội dung quy mô đầu tư xây dựng:**

Quy mô đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m: Xây dựng mới 688m đường dây 22kV, 240m đường dây 35kV; di chuyển 02 TBA (TBA số 10 Trại Cá 250kVA – 22/0,4kV, TBA số 12 Trại Cá 250kVA – 22/0,4kV); Xây dựng mới 1.097m đường dây 0,4kV, cải tạo 728m đường dây 0,4kV.

#### **4.1. Đường dây trung áp:**

Xây dựng mới 928m đường dây trung thế trong đó ĐZ22kV dài 688m và ĐZ35kV dài 240m gồm các đoạn tuyến:

**a. Đường dây ĐZ22kV trục chính lộ 477 E21.2 đoạn tuyến từ cột 35 đến cột TBA số 10 Trại Cá sau di chuyển:**

- Điểm đầu: Tủ RMU lên cột 30 xây dựng mới.
- Điểm cuối: Trạm biến áp số 10 Trại Cá.
- Tổng chiều dài là 688m, sử dụng dây nhôm lõi thép ACSR95/16.

**b. Đường dây 35kV lộ 377 E21.2 đoạn tuyến từ cột 3.2 đến cột TBA số 12 Trại Cá sau di chuyển:**

- Điểm đầu: cột 3.2 lộ 377 E21.2 hiện có.
- Điểm cuối: TBA số 12 Trại Cá.
- Tổng chiều dài 240m, sử dụng dây nhôm lõi thép ACSR70/11.

#### **4.2. Trạm biến áp**

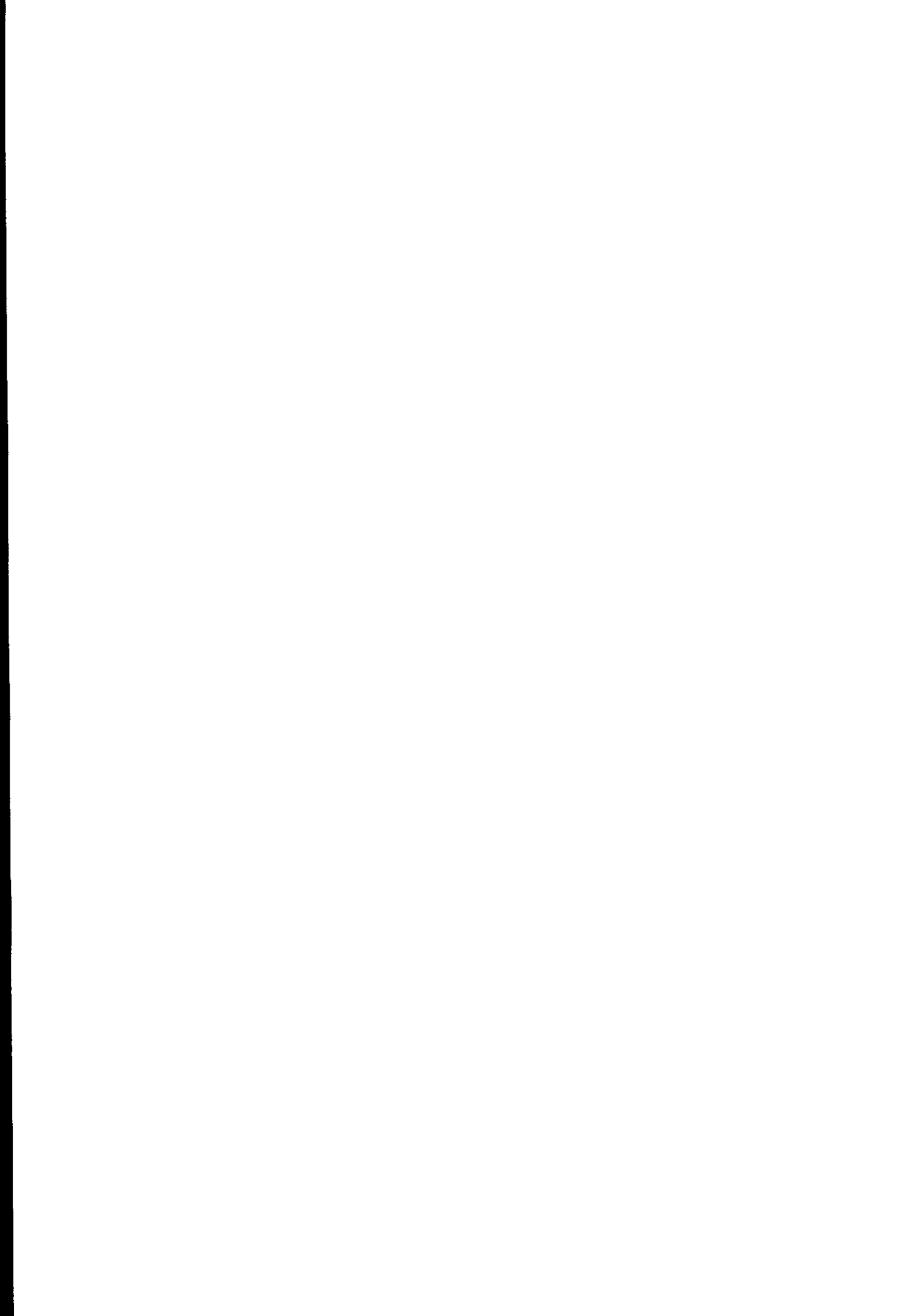
Di chuyển 02 TBA, có tổng công suất là: (2x250)kVA, trong đó:

- TBA số 10 Trại Cá: 250kVA – 22/0,4kV.
- TBA số 12 Trại Cá: 250kVA – 22/0,4kV.

Trạm được thiết kế theo kiểu: trạm cột pi, trạm biến áp được đặt trên địa bàn phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

Trạm biến áp sau di chuyển có công suất và cấp điện áp như sau:

- TBA số 10 Trại Cá: 250kVA – 22/0,4kV.



- TBA số 12 Trại Cá: 250kVA – 35/0,4kV.

#### **4.3. Đường dây hạ thế:**

Xây dựng mới 1.097m; cải tạo 728m đường dây hạ thế bao gồm:

- Đường dây hạ thế sau TBA số 10 Trại Cá: chiều dài 144m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 54m, cải tạo dài 90m).

- Đường dây hạ thế sau TBA số 12 Trại Cá: chiều dài 650m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 182m, cải tạo dài 468m).

- Đường dây hạ thế sau TBA B18: bổ sung phụ kiện đường dây.

- Đường dây hạ thế sau TBA số 9: chiều dài 478m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 478m, cải tạo dài 0m).

- Đường dây hạ thế sau TBA B49: chiều dài 553m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 383m, cải tạo dài 170m).

#### **4.4. Tháo dỡ thu hồi:**

Tháo dỡ thu hồi tuyến đường dây trung, hạ thế cũ nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng. Cụ thể như sau:

- *Thu hồi đường dây trung thế 22kV trục chính lộ 477 E21.2 dài 1066m gồm các đoạn tuyến:*

+ Đoạn tuyến từ cột 29 đến cột 35, hiện trạng đi dây nhôm lõi thép ACSR-95/16mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 34-2 đến cột TBA số 10 Trại Cá, hiện trạng đi dây nhôm lõi thép ACSR-95/16mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột TBA số 10 Trại Cá đến cột TBA số 12 Trại Cá, hiện trạng đi dây nhôm lõi thép ACSR-95/16mm<sup>2</sup>.

- *Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA số 10 Trại Cá dài 807m:*

+ Đoạn tuyến từ cột TBA số 10 Trại Cá đến cột 08 hiện có, từ cột 2 đến cột 38, từ cột 24 đến cột 32 hiện trạng sử dụng cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 32 đến cột 34, từ cột 32 đến cột 36 và từ cột 46 đến cột 48 hiện trạng sử dụng cáp vặn xoắn 2x50mm<sup>2</sup>.

- *Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA số 9 dài 597m:*

+ Đoạn tuyến từ cột 31 đến cột 35 trung thế hiện có, hiện trạng sử dụng cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

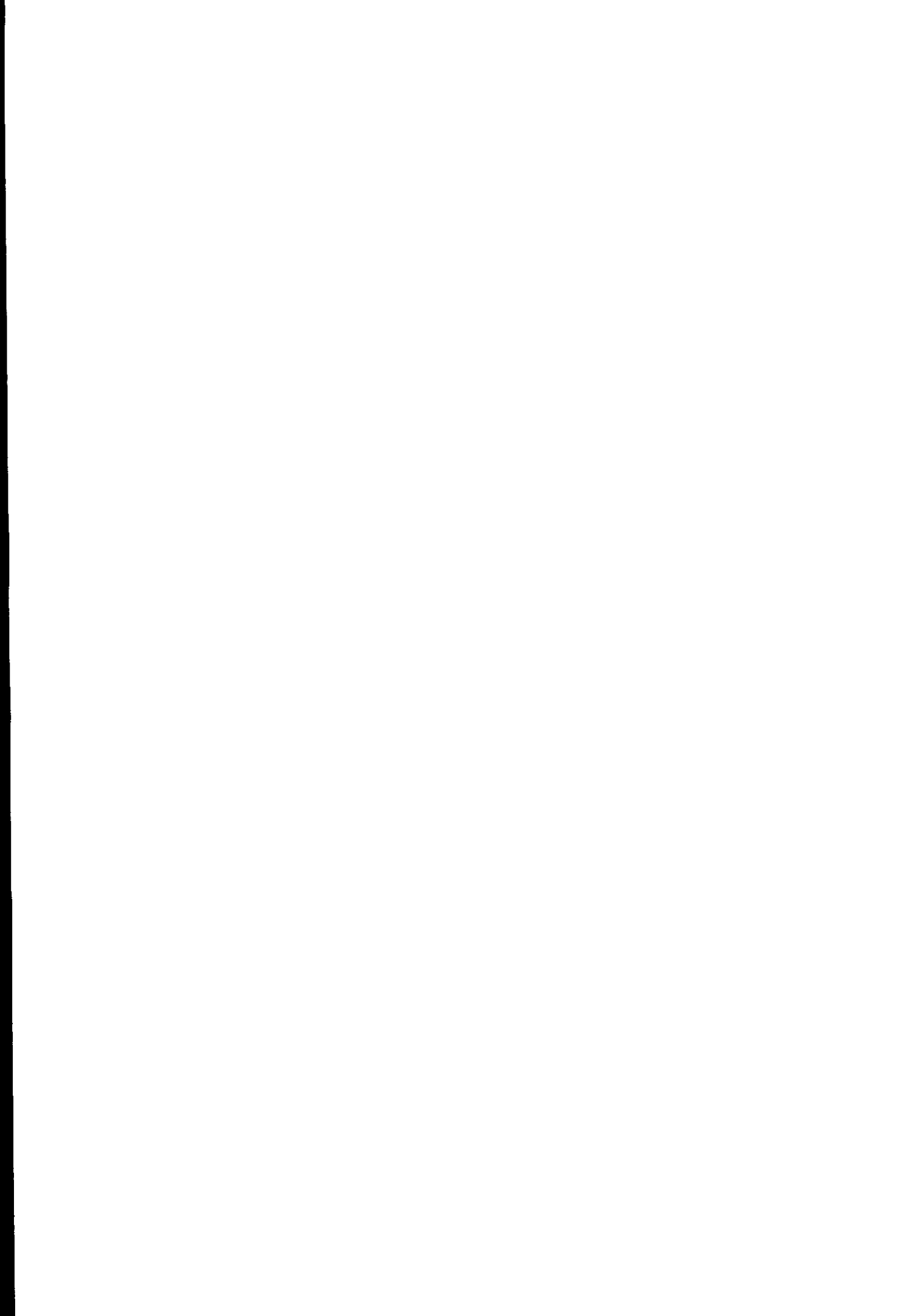
+ Đoạn tuyến từ cột 35 đến cột KH3, đoạn tuyến đi 1 lộ cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>, từ cột 35 đến cột 35.4 và đường dây sau công tơ từ cột 35.4 đến KH3 của khách hàng đi cáp vặn xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

- *Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA số 12 Trại Cá hiện có dài 862m:*

+ Đoạn tuyến từ cột TBA đến cột 4, hiện trạng có 3 lộ dây: 2 lộ cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>, 1 lộ cáp vặn xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 4 đến cột 11, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 7 đến cột 11, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn



4x70mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 4 đến cột 39, hiện trạng có 2 lộ: 1 lộ cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>, 1 lộ cáp vặn xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 1 đến cột 44, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn 2x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 15 đến cột 23, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 23 đến cột 27, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn 2x50mm<sup>2</sup>.

- Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA B18 hiện có dài 70m:

+ Đoạn tuyến từ cột 32.7 đến cột 32.9, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

- Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA B49 hiện có dài 170m:

+ Đoạn tuyến từ cột 49.6 đến cột 49.10, hiện trạng có 1 lộ cáp vặn xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

**5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Điện.

**6. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:** Bà Hoàng Thị Xuân Hương.

**7. Địa điểm xây dựng:** phường Him Lam, phường Noong Bua,

**8. Loại, cấp công trình:** Công trình công nghiệp, cấp III.

**9. Tổng mức đầu tư:** 4.168.713.288 đồng, trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	200.000.000	đồng;
Chi phí xây dựng sau thuế:	2.482.115.385	đồng;
Chi phí thiết bị sau thuế:	664.345.322	đồng;
Chi phí quản lý dự án:	60.869.713	đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	316.479.567	đồng;
Chi phí khác:	262.101.592	đồng;
Chi phí dự phòng:	182.801.709	đồng.

**10. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2019.

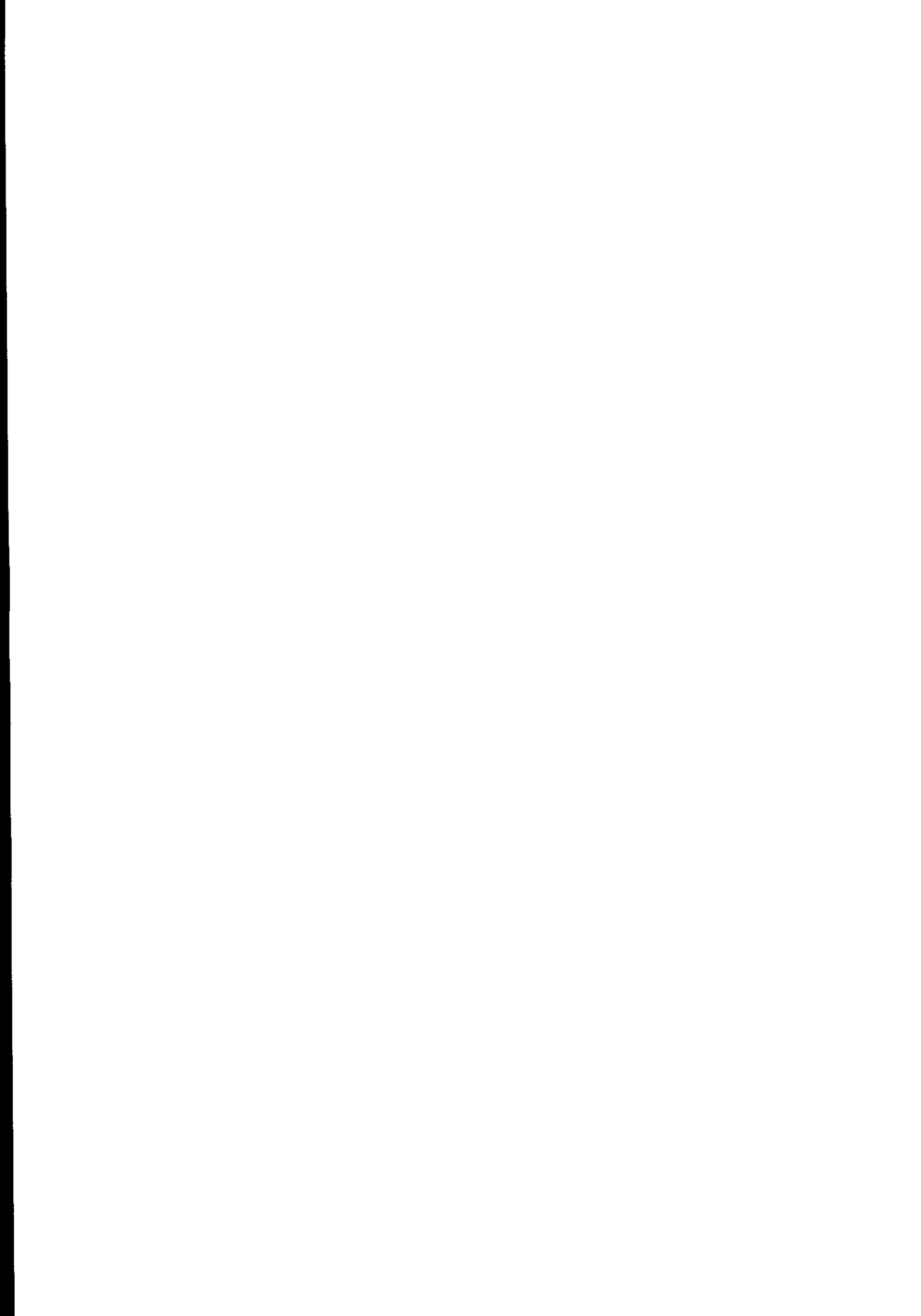
**11. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m (Vốn cân đối ngân sách địa phương; Vốn thu tiền sử dụng đất được tạo ra từ dự án và đấu giá đất được sử dụng).

**12. Hình thức quản lý dự án:** Thuê tư vấn quản lý dự án.

**13. Các thông tin khác:** Không.

**II. Phần công việc đã thực hiện:** Tổng hợp phần công việc đã thực hiện chi tiết cụ thể lập tại Bảng 1 dưới đây

**Bảng số 1**





STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Điện	212.345.435	Quyết định số 213a/QĐ-STNMT ngày 23/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	Sở Công thương	760.000	
3	Thẩm định dự toán	Sở Công thương	0	
<b>Tổng giá trị : 213.105.435 đồng.</b>				

**III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu:** Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu chi tiết cụ thể được lập tại Bảng 2 dưới đây:

**Bảng số 2**

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Chi phí thỏa thuận điểm đấu, cấp công suất	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan	50.000.000
2	Chi phí đóng điện nghiệm thu đường dây trung áp		24.409.228
3	Chi phí đóng điện nghiệm thu TBA		8.055.596
4	Chi phí đóng điện nghiệm thu đường dây hạ áp		16.071.420
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Sở Tài chính	12.680.000
6	Thẩm định HSMT, Kết quả lựa chọn nhà thầu	Tư vấn quản lý dự án	2.950.464
7	Chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư	Sở Tài nguyên và Môi trường	200.000.000
8	Chi phí dự phòng		182.801.709
<b>Tổng giá trị</b>			<b>496.968.417</b>

#### IV. Phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

##### 1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn quản lý dự án	60.869.713	Vốn cân đối ngân sách địa phương; Vốn thu tiền sử dụng đất được tạo ra từ dự án và đấu giá đất được sử dụng	Chi định thầu	Rút gọn	Quý II - IV năm 2019	Trọn gói	Trong TG thực hiện dự án
2	Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT XL + TB	6.491.020		Chi định thầu	Rút gọn	Quý II - IV năm 2019	Trọn gói	30 ngày
3	Tư vấn giám sát thi công + thiết bị	94.692.649		Chi định thầu	Rút gọn	Quý II - IV năm 2019	Trọn gói	Trong thời gian thi công
4	Tư vấn đo trích lục bản đồ	30.000.000		Chi định thầu	Rút gọn	Quý II - IV năm 2019	Trọn gói	01 tháng
5	Gói thầu thi công xây dựng + thiết bị +HMC	3.245.510.055		Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II - IV năm 2019	Trọn gói	05 tháng
6	Gói kiểm toán	21.076.000		Chi định thầu	Rút gọn	Quý IV năm 2019	Trọn gói	30 ngày
Tổng cộng giá trị thực hiện: 3.458.639.437 đồng								

##### 2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

- Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

- Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

b) Giá gói thầu: Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án, đảm bảo phù hợp với nội dung của gói thầu, cụ thể (theo báo cáo thẩm định của Sở Công thương):

c) Nguồn vốn: Vốn dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m (Vốn cân đối ngân sách địa phương; Vốn thu tiền sử dụng đất được tạo ra từ dự án và đấu giá đất được sử dụng).

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Chỉ định thầu theo quy trình chỉ định thầu rút gọn thực hiện đối với các gói thầu: Tư vấn quản lý dự án, Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT XL + TB, Tư vấn giám sát thi công + thiết bị, Tư vấn đo trích lục bản đồ, Gói kiểm toán (gói thầu tư vấn và phi tư vấn có giá trị nhỏ (<500 triệu đồng) theo quy định tại Điều 54 và Điều 56 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP).

- Gói thầu thi công xây dựng + thiết bị +HMC có giá trị nhỏ hơn 5 tỷ đồng, thực hiện chào hàng cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 điều 57 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. Phương thức lựa chọn nhà thầu 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 28 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Các gói thầu được tổ chức ngay sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và dự toán các gói thầu được duyệt, dự kiến bắt đầu từ quý II-quý III năm 2019;

e) Loại hợp đồng:

- Các gói thầu tư vấn có giá trị nhỏ, thời gian thực hiện ngắn và đơn giản do đó áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói theo quy định tại Điều 62, Luật Đấu thầu 2013.

g) Thời gian thực hiện hợp đồng: Căn cứ tính chất công việc của từng gói thầu và thời gian thực hiện dự án mà thời gian thực hiện hợp đồng của các gói thầu được xác định cho phù hợp (chi tiết như bảng trên);

**V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): đồng.**

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		0
<b>Tổng giá trị các phần công việc 0 đồng.</b>		

**VI. Tổng giá trị các phần công việc**

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	213.105.435
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	496.968.417
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	3.458.639.437
<b>Tổng giá trị các phần công việc (thừa 01 đồng do làm tròn ko ảnh hưởng đến tổng mức đầu tư của dự án)</b>		<b>4.168.713.289</b>
<b>Tổng mức đầu tư của dự án</b>		<b>4.168.713.288</b>

**VII. Kiến nghị:**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh Điện Biên, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thầu Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m với các nội dung nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT.



**Ngôn Ngọc Khuê**

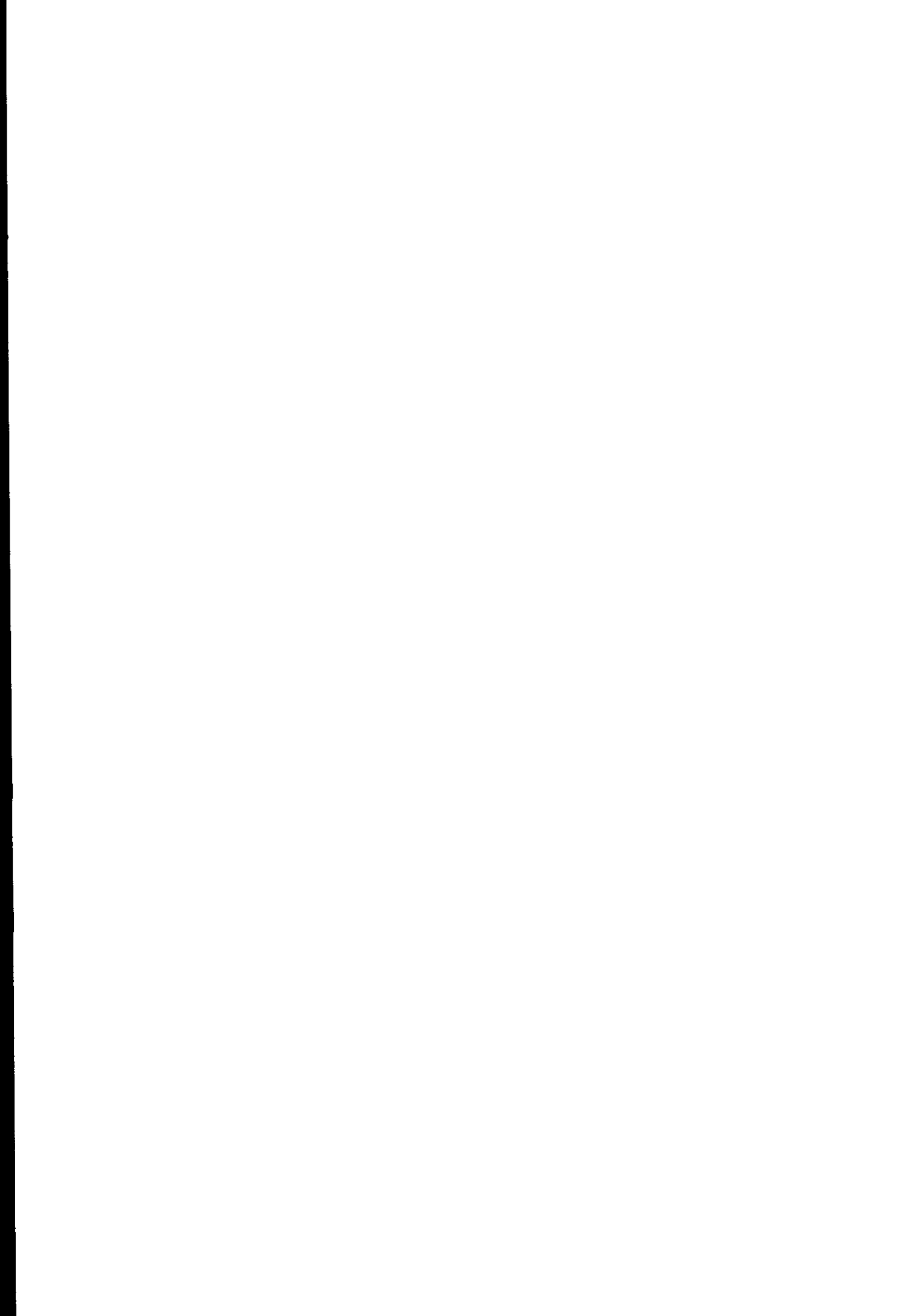


## PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số *AA* /TTr-STNMT, ngày 31/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	<i>Bản sao</i>
2	Quyết định số 213a/QĐ-STNMT ngày 23/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m.	<i>Bản sao</i>
3	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 tỉnh Điện Biên.	<i>Bản sao</i>
4	Văn bản số 1226/UBND-TH ngày 03/05/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	<i>Bản sao</i>



Số: 596/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 30 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:

**Hạ tầng hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

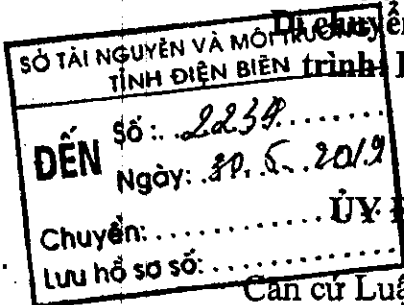
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng V/v hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 06/2015/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng V/v hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

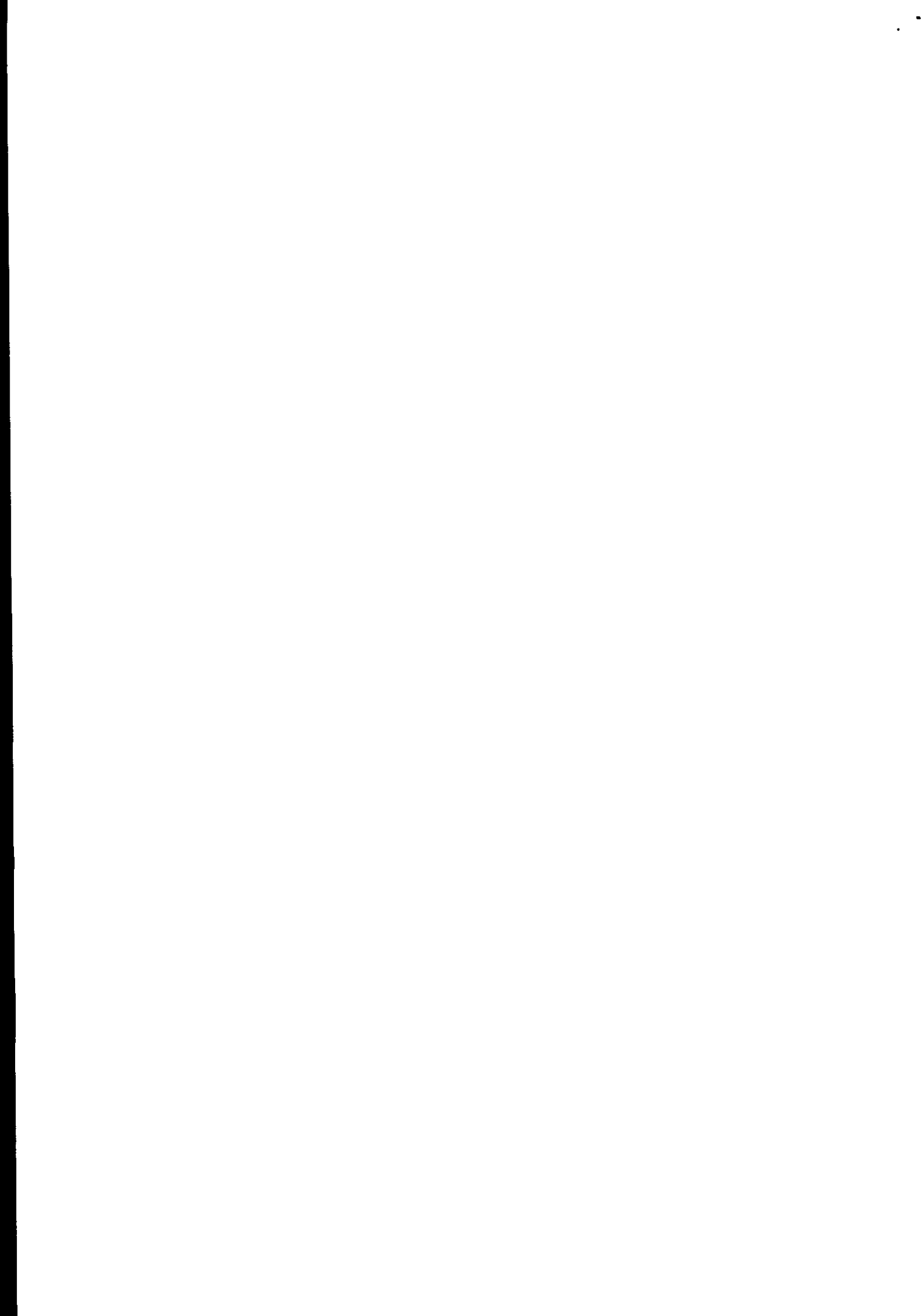
Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m; Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m;

Căn cứ Văn bản số: 1226/UBND-TH ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 106/TTr-STNMT ngày 06 tháng 05 năm 2019; thông báo kết quả thẩm định số 454/SCT-







QLĐN ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Sở Công Thương và Tờ trình số 16/TTr-TCKH ngày 13/5/2019 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m, với nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m.

**Thuộc dự án:** Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m.

**2. Tên chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường

**3. Mục tiêu xây dựng:** Di chuyển các tuyến đường dây 22kV và đường dây hạ thế 0,4 kV ra khỏi phạm vi thi công của dự án đầu tư công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m theo quy định hiện hành.

**4. Tổ chức tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Điện.

**5. Địa điểm xây dựng:** Phường Him lam, Phường Noong Bua, TP Điện Biên Phủ.

Diện tích chiếm đất khoảng 4.650m<sup>2</sup>

**6. Loại, cấp công trình:** Công trình công nghiệp, cấp III.

**7. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì thẩm định báo cáo KTKT, dự toán công trình:** Sở Công Thương.

**8. Thiết kế công trình.**

**8.1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:**

+ Quy phạm trang bị điện 11-TCN-18-2006; 11-TCN-19-2006; 11-TCN-20-2006; 11-TCN-21-2006 của Bộ Công nghiệp (Ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công Thương).

+ Bộ quy chuẩn Quốc gia về kỹ thuật điện:

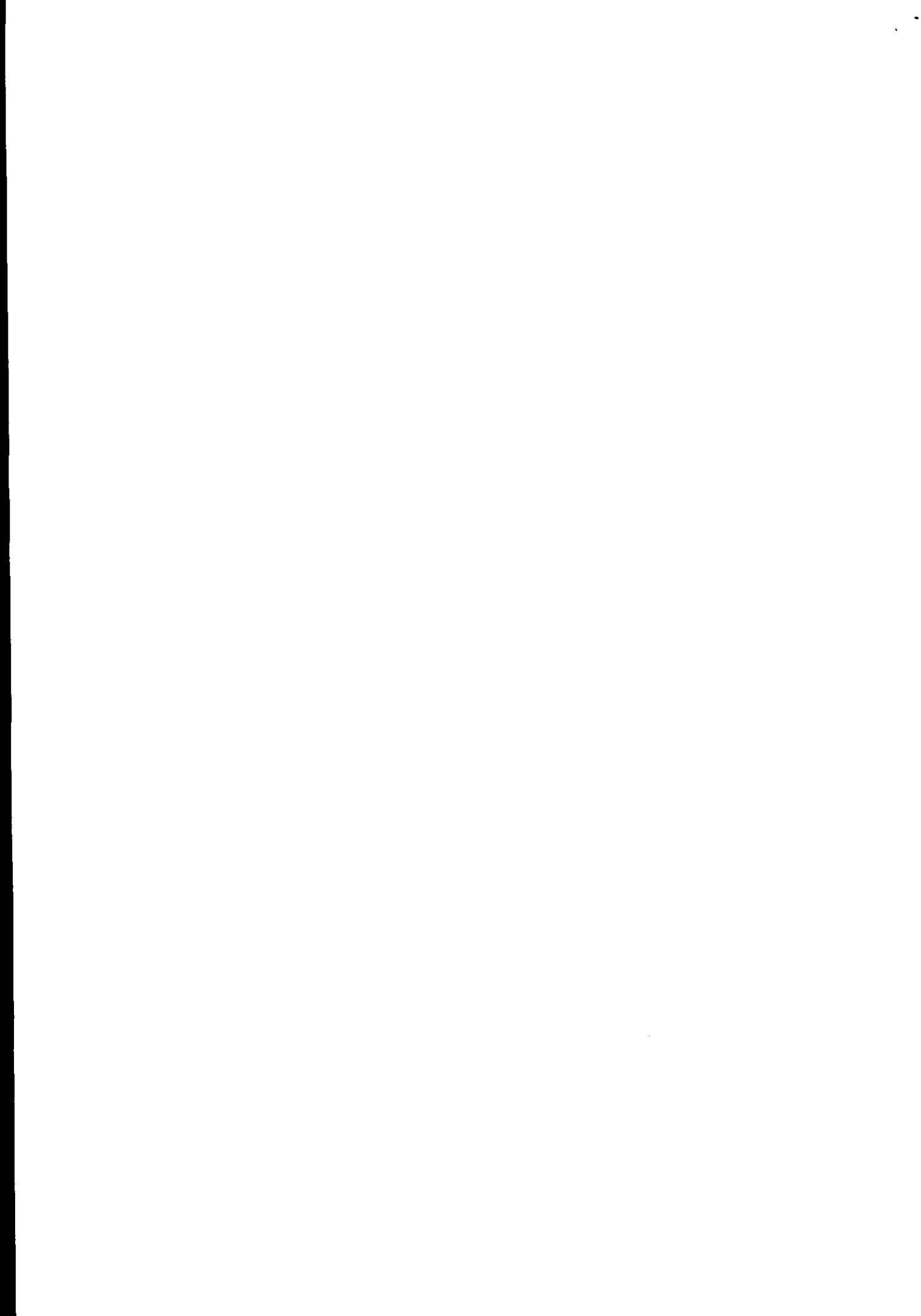
Tập 5: QCVN QTĐ-5:2009/BCT: Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện.

Tập 6: QCVN QTĐ-6:2009/BCT: Vận hành sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện.

Tập 7: QCVN QTĐ-7:2009/BCT: Thi công các công trình điện.

Tập 8: QCVN QTĐ-8:2010/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật điện hạ áp.

+ Quy định kỹ thuật điện nông thôn ( QĐKT.ĐNT-2006 ) ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).



+ Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737-95 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo quyết định số: 345/BXD/KHCN ngày 19/12/1995.

+ TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn quốc gia Cột bê tông cốt thép ly tâm.

+ Tiêu chuẩn cấp điện trần TCVN 5064:1994/SĐ1:1995

+ Tiêu chuẩn TCVN 6447:1998; TCVN 5935-1:2013.

+ Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5575-2012.

+ Tiêu chuẩn về kết cấu thép - gia công - lắp ráp - nghiệm thu và yêu cầu kỹ thuật: 20TCN 170-89.

+ Tiêu chuẩn về thép hình, thép tấm: TCVN 5575-1991, JISG3101, KSD3503.

+ Tiêu chuẩn Bu lông đai ốc: TCVN 1876-1976; TCVN 1896-1976.

+ Tiêu chuẩn về vòng đệm vênh: TCVN 132-77; TCVN 2060-77.

+ Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng: 18 TCN 04-92.

+ Kết bê tông cốt thép- tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5574-1991.

+ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: TCXD 45-78.

+ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8525:2010 – Máy biến áp phân phối về mức hiệu suất hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng.

+ Các văn bản tham khảo áp dụng: Quyết định số 887/QĐ-EVN ngày 14/10/2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam V/v yêu cầu kỹ thuật công tơ điện tử sử dụng trong tập đoàn; Quyết định số 1011/QĐ-EVN NPC ngày 07/4/2015 của Công ty Điện lực miền Bắc về ban hành tiêu chuẩn tổn hao MBA phân phối.

+ Các tài liệu hướng dẫn tính toán đường dây tải điện trên không, trạm biến áp và tính toán nền móng công trình trong nước và quốc tế.

+ Các tiêu chuẩn thí nghiệm và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành theo quy định.

## **8.2. Nội dung quy mô đầu tư xây dựng:**

### **8.2.1 Đường dây trung áp:**

Xây dựng mới 928m đường dây trung thế trong đó ĐZ22kV dài 688m và ĐZ35kV dài 240m gồm các đoạn tuyến:

**a/ Đường dây 22kV trục chính lộ 477 E21.2 đoạn tuyến từ cột 35 đến cột TBA số 10 Trại Cá sau di chuyển:**

- Điểm đầu: Tủ RMU lên Cột 30 xây dựng mới.

- Điểm cuối: Trạm biến áp số 10 Trại Cá.

- Tổng chiều dài là 688m, sử dụng dây nhôm lõi thép ACSR95/16

**b/ Đoạn tuyến đường dây 35kV lộ 377 E21.2 đoạn tuyến từ cột 3.2 đến cột TBA số 12 Trại Cá sau di chuyển:**

- Điểm đầu: Cột 3.2 hiện có.

- Điểm cuối: Trạm biến áp số 12 Trại Cá.

- Tổng chiều dài là 240m, sử dụng dây nhôm lõi thép ACSR70/11

### **8.2.2. Trạm biến áp:**



Di chuyển 02 trạm biến áp, có tổng công suất là:  $(2 \times 250) \text{kVA}$ , trong đó: TBA số 10 Trại Cá: 250KVA-22/0.4KV và TBA số 12 Trại Cá: 250KVA-22/0.4KV.

Trạm được thiết kế theo kiểu: Trạm cột pi, trạm biến áp được đặt trên địa bàn phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

Trạm biến áp sau di chuyển có công suất và cấp điện áp như sau:

- TBA số 10 Trại Cá: 250KVA-22/0.4KV.

- TBA số 12 Trại Cá: 250KVA-35/0.4KV.

### 8.2.3. Đường dây hạ thế:

Xây dựng mới 1.097 m; Cải tạo 728m đường dây hạ thế, bao gồm:

- Đường dây hạ thế sau TBA số 10 Trại Cá: chiều dài 144m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 54m, cải tạo dài 90m).

- Đường dây hạ thế sau TBA số 12 Trại Cá: chiều dài 650m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 182m, cải tạo dài 468m).

- Đường dây hạ thế sau TBA B18: chiều dài 0m (bổ sung phụ kiện đường dây).

- Đường dây hạ thế sau TBA số 9: chiều dài 478m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 478m, cải tạo dài 0m).

- Đường dây hạ thế sau TBA B49: chiều dài 553m (trong đó đường dây xây dựng mới dài 383m, cải tạo dài 170m).

**8.2.4. Tháo dỡ thu hồi:** Tháo dỡ thu hồi tuyến đường dây trung, hạ thế cũ, nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng. Cụ thể như sau:

- Thu hồi đường dây trung thế đường dây 22kV trục chính lộ 477 E21.2 dài 1066m gồm các đoạn tuyến:

- Đoạn tuyến từ cột 29 đến cột 35, hiện trạng đi dây nhôm lõi thép ACSR - 95/16 mm<sup>2</sup>.

- Đoạn tuyến từ cột 34-02 đến cột TBA số 10 Trại Cá, hiện trạng đi dây nhôm lõi thép ACSR - 95/16 mm<sup>2</sup>.

- Đoạn tuyến từ cột TBA số 10 Trại Cá đến cột TBA số 12 Trại Cá, hiện trạng đi dây nhôm lõi thép ACSR - 95/16 mm<sup>2</sup>.

- Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA số 10 Trại Cá dài 807m:

+ Đoạn tuyến từ cột TBA số 10 Trại Cá đến cột 08 hiện có, từ cột 2 đến cột 38, từ cột 24 đến cột 32 hiện trạng sử dụng cáp vện xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

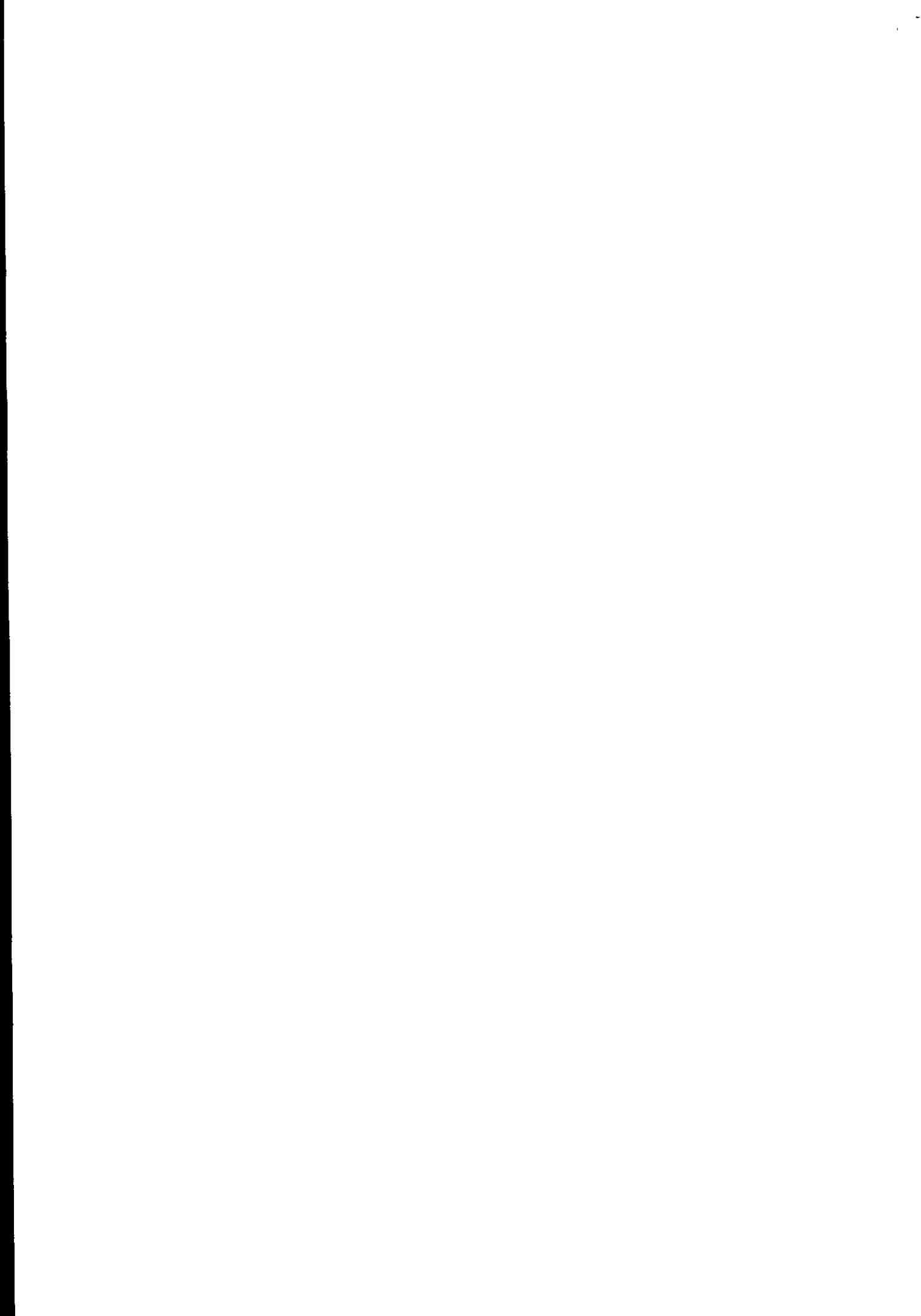
+ Đoạn từ cột 32 đến cột 34, từ cột 32 đến 36 và từ cột 46 đến cột 48 hiện trạng sử dụng cáp vện xoắn 2x50mm<sup>2</sup>

- Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA số 9 dài 597m:

+ Đoạn tuyến từ cột 31 đến cột 35 trung thế hiện có, hiện trạng sử dụng cáp vện xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 35 đến cột KH3, đoạn tuyến đi 1 lộ cáp vện xoắn 4x70mm<sup>2</sup> từ cột 35 đến cột 35.4 và đường dây sau công tơ từ cột 35.4 đến KH3 của khách hàng đi cáp vện xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA số 12 Trại Cá hiện có dài 862m:



+ Đoạn tuyến từ cột TBA đến cột 4, hiện trạng có 3 lộ dây: 2 lộ cáp vận xoắn 4x70mm<sup>2</sup>, 1 lộ cáp vận xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 4 đến cột 11, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 7 đến cột 11, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 4 đến cột 39, hiện trạng có 2 lộ: 1 lộ cáp vận xoắn 4x70mm<sup>2</sup>, 1 lộ cáp vận xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 1 đến cột 44, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 2x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 15 đến cột 23, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

+ Đoạn tuyến từ cột 23 đến cột 27, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 2x50mm<sup>2</sup>.

- Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA B18 hiện có dài 70m: Đoạn tuyến từ cột 32.7 đến cột 32.9, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

- Thu hồi đường dây hạ thế sau TBA B49 hiện có dài 170m: Đoạn tuyến từ cột 49.6 đến cột 49.10, hiện trạng có 1 lộ cáp vận xoắn 4x50mm<sup>2</sup>.

### **8.3. Phương án, giải pháp thiết kế xây dựng công trình:**

#### **a. Đường dây 35KV:**

- Thiết kế: Kiểu đường dây trên không.

- Dây dẫn: Sử dụng dây ACSR70/11

- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm 12m, 14m, 16m, 20m tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn cột bê tông cốt thép ly tâm.

- Móng: Bê tông cốt thép mác M150 đổ tại chỗ, các vị trí cột đơn sử dụng móng MT-3; các vị trí cột đúp sử dụng móng MTĐ-1.

- Xà: Gia công bằng thép hình, bảo vệ chống rỉ bằng mạ kẽm nhúng nóng chiều dày tối thiểu  $\geq 80 \mu\text{m}$ .

- Tiếp địa: Thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp loại RC- 6 điện trở theo qui phạm.

- Cách điện: Sử dụng sứ đứng 35kv cho các vị trí đỡ thẳng, đỡ dây lèo, đỡ vượt, ghé cách điện; các vị trí néo sử dụng Sứ chuỗi Silicol 35kV (chuỗi néo 35kV); trên tuyến đường dây có sử dụng thiết bị chống sét van (CSV-35kV).

#### **b. Đường dây 22KV:**

- Thiết kế: Kiểu đường dây trên không.

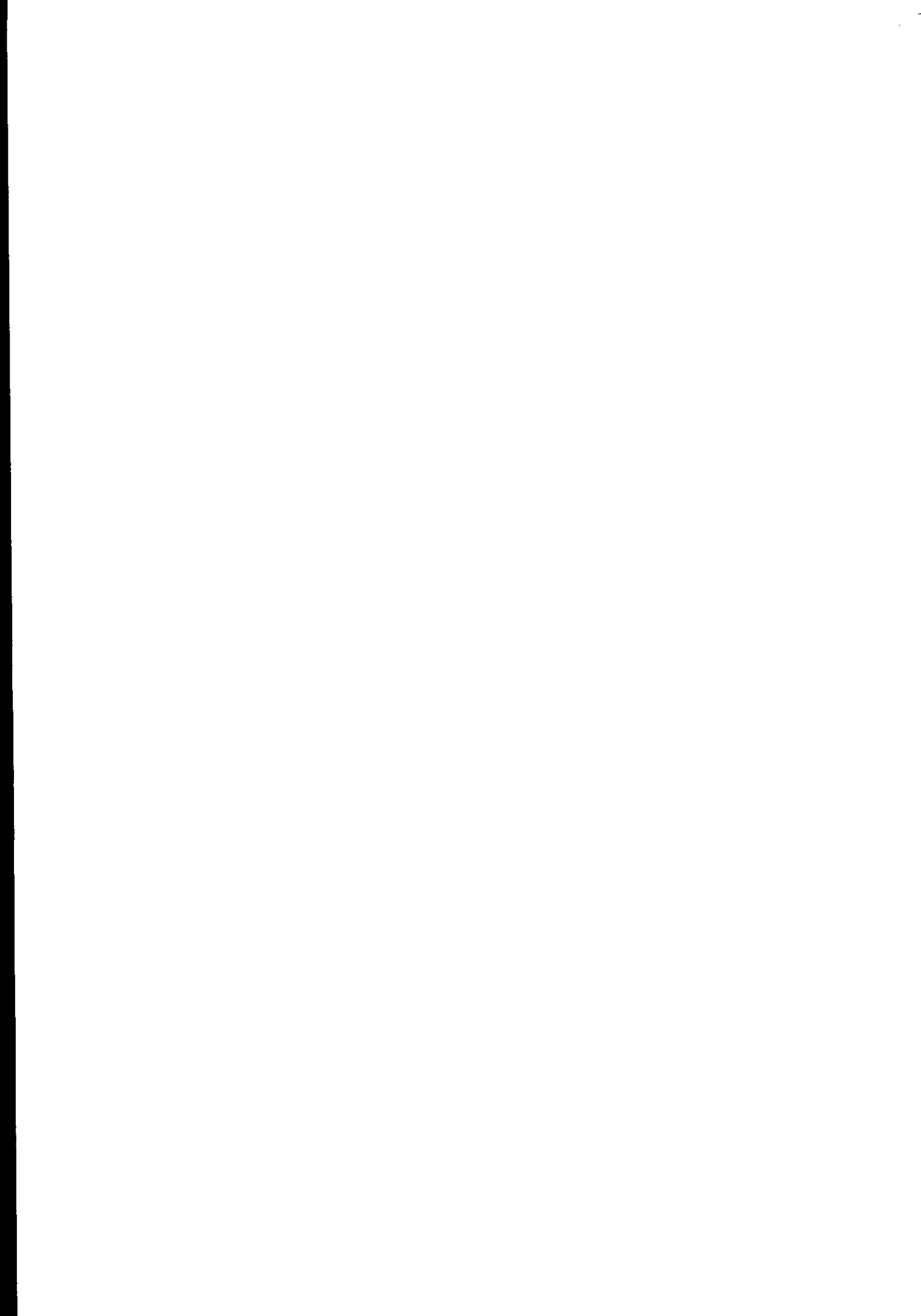
- Dây dẫn: Sử dụng dây ACSR95/16

- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm 12m, 14m, 16m, 20m tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn cột bê tông cốt thép ly tâm.

- Móng: Bê tông cốt thép mác M150 đổ tại chỗ, các vị trí cột đơn sử dụng móng MT-3; các vị trí cột đúp sử dụng móng MTĐ-1.

- Xà: Gia công bằng thép hình, bảo vệ chống rỉ bằng mạ kẽm nhúng nóng chiều dày tối thiểu  $\geq 80 \mu\text{m}$ .





- Tiếp địa: Thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp loại RC- 6 điện trở theo qui phạm.

- Cách điện: Sử dụng sứ đứng 24kv cho các vị trí đỡ thẳng, đỡ dây lèo, đỡ vượt, ghé cách điện; các vị trí néo sử dụng sứ chuỗi Silicol 24kV (chuỗi néo 24kV); trên tuyến đường dây có sử dụng thiết bị chống sét van (CSV-24kV).

c. Trạm biến áp

\* TBA 250KVA-22/0,4kV:

- TBA: Tận dụng lại máy biến áp công suất 250KVA-22/0,4kV và tủ hạ áp; toàn bộ các vật tư khác thu hồi, thanh lý theo quy định.

- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm 16m tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn cột bê tông cốt thép ly tâm.

- Móng: sử dụng móng MTK-1-16

- Xà: Gia công bằng thép hình, bảo vệ chống rỉ bằng mạ kẽm nhúng nóng chiều dày tối thiểu  $\geq 80 \mu\text{m}$ .

- Tiếp địa: Thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp loại đối bằng thép CT3 (L63x63x6) mỗi cọc dài 2m và hệ thống tia bằng thép khép kín, điện trở theo quy phạm.

- Cách điện: Sử dụng sứ đứng 24kv.

- Cầu chì tự rơi sử dụng loại FCO-24kV; chống sét van sử dụng loại ZnO-24kV.

\* TBA 250KVA-35/0,4kV:

- TBA: Thay mới máy biến áp công suất 250KVA-35/0,4kV và tủ hạ áp;

- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm. 16m tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn cột bê tông cốt thép ly tâm.

- Móng: sử dụng móng MTK-1-16

- Xà: Gia công bằng thép hình, bảo vệ chống rỉ bằng mạ kẽm nhúng nóng chiều dày tối thiểu  $\geq 80 \mu\text{m}$ .

- Tiếp địa: Thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp bằng thép CT3 (L63x63x6) mỗi cọc dài 2m và hệ thống tia bằng thép khép kín, điện trở theo quy phạm.

- Cách điện: Sử dụng sứ đứng 35kv.

- Cầu chì tự rơi sử dụng loại FCO-35kV; chống sét van sử dụng loại ZnO-35kV.

c. Đường dây hạ thế 0,4kV:

- Dây dẫn: Sử dụng dây cáp vặn xoắn 4x70mm<sup>2</sup>.

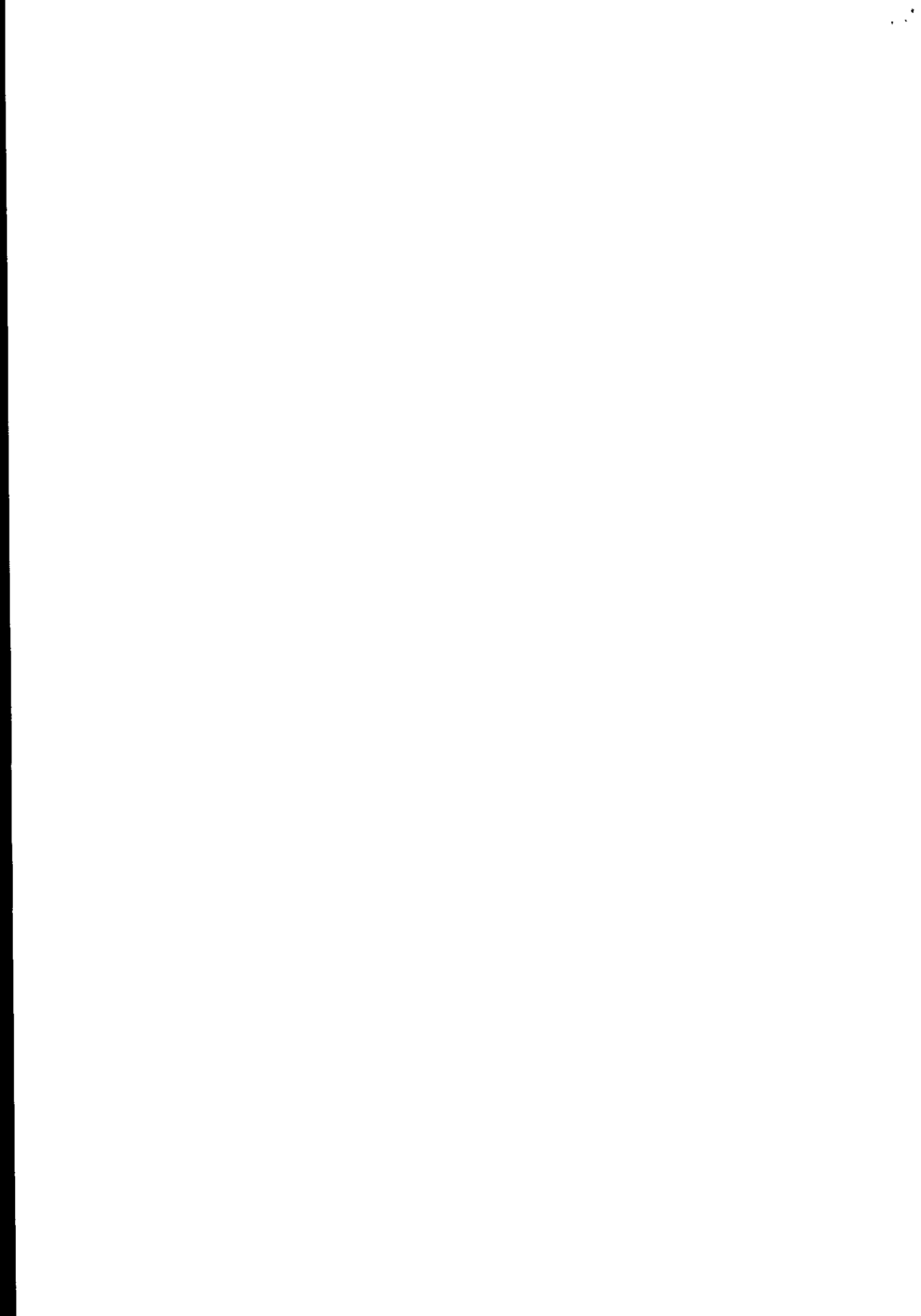
- Cột: Toàn bộ đường dây hạ áp dùng cột bê tông ly tâm 8,5m; 10m theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn cột bê tông cốt thép ly tâm.

- Móng cột: Sử dụng theo dạng móng khối, bằng bê tông cốt thép đúc tại chỗ mác 150 (M150). Loại M-3, MĐ.

- Tiếp địa lặp lại: Dùng hệ thống tiếp địa lặp lại loại RC-6A.

d. Hòm công tơ: Tháo dỡ hòm công tơ để chuyển sang vị trí mới để đường dây sau công tơ gọn gàng (Đảm bảo mỹ quan đô thị).

e. Vật tư, thiết bị thu hồi: MBA 250KVA-22/0,4kV và các vật tư khác thu hồi, thanh lý theo quy định.



9. Tổng mức đầu tư: 4.168.713.288 đồng. (Bằng chữ: Bốn tỷ một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng./.)

Trong đó:

1	Chi phí xây dựng	2.482.115.385	đồng
2	Chi phí thiết bị	664.345.322	đồng
3	Chi phí QLDA	60.869.713	đồng
4	Chi phí đền bù, GPMB	200.000.000	đồng
5	Ghi phí tư vấn xây dựng	316.479.567	đồng
6	Chi phí khác	262.101.592	đồng
7	Dự phòng	182.801.709	đồng

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m (vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn thu tiền sử dụng đất được tạo ra từ dự án và đấu giá đất được sử dụng).

11. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

13. Quản lý vận hành sau đầu tư

Chủ đầu tư thực hiện bàn giao cho Công ty Điện lực Điện Biên tiếp nhận quản lý vận hành, kinh doanh bán điện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Căn cứ quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp thu đầy đủ các ý kiến của Sở Công thương tại báo cáo thẩm định số 454/SCT-QLĐN ngày 02/4/2019; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Dự án đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công ty Điện lực Điện Biên và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- LH UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh



Số: 213a/QĐ-STNMT

Điện Biên, ngày 23 tháng 11 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m

### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình đường bộ;

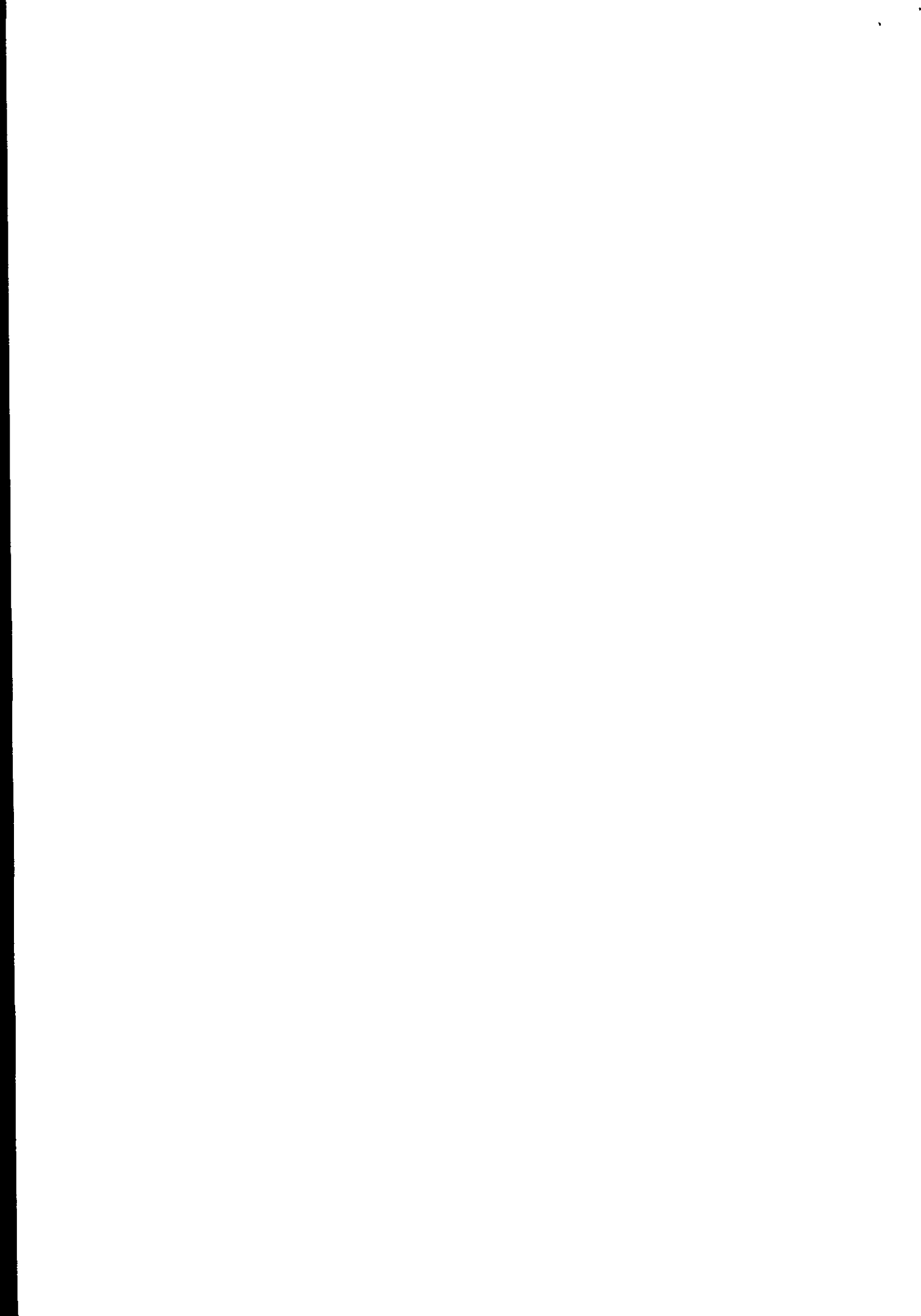
Căn cứ Nghị định số 59/2015 NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 40/HĐND-KTNS ngày 16/3/2016 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m;

Căn cứ Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công : Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m;

Xét Tờ trình ngày 22/11/2018 của Ban quản lý dự án các công trình Giao thông tỉnh Điện Biên về việc: Thẩm định, phê duyệt Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; Báo cáo kết quả thẩm định ngày 23/11/2018 của Phòng Kế hoạch - Tài chính,



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chấp thuận nội dung cơ bản Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khí GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m với nội dung như sau:

+ Phần 1: Các căn cứ pháp lý.

+ Phần 2: Phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ khảo sát, lập BCKT-KT.

*(Kèm theo Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật sau thẩm định)*

**Điều 2.** Tạm duyệt dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khí GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m với giá trị là: **226.672.275 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi năm đồng).

Trong đó:

- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát: 2.264.080 đồng
- Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT: 209.170.752 đồng
- Chi phí giám sát công tác khảo sát: 3.073.111 đồng
- Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT: 12.164.333 đồng

*(Chi tiết có Dự toán kinh phí kèm theo)*

**Điều 3.** Quyết định này là cơ sở để các bước tiếp theo trong quá trình triển khai công tác chuẩn bị dự án đầu tư theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ, chất lượng của công trình.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

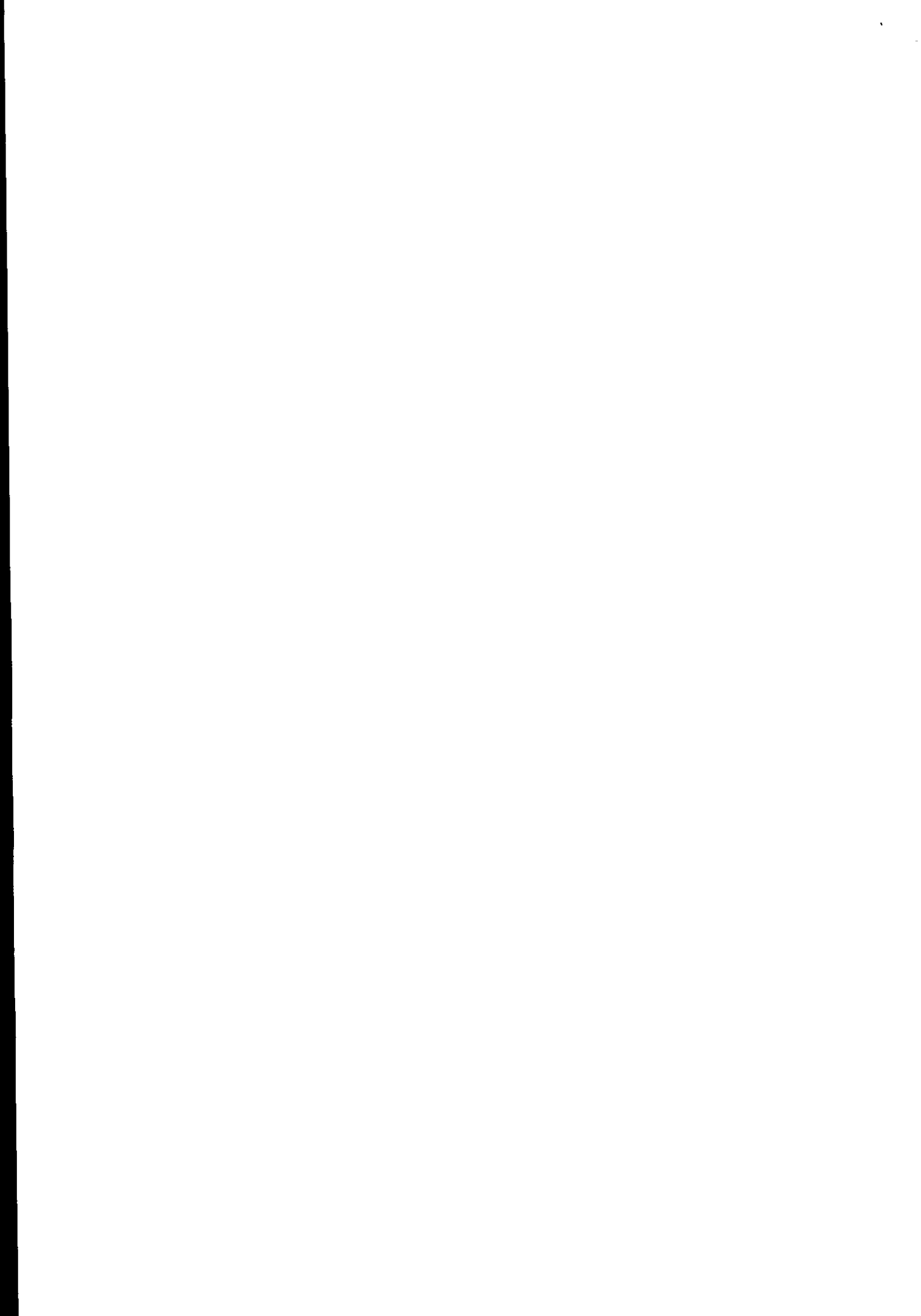
- Như điều 4;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngôn Ngọc Khuê**





**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

**Công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m.**

*Đơn vị: VNĐ*

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chi phí xây dựng	bảng tính chi tiết	1.466.486.885	146.648.688	1.613.135.573
2	Chi phí thiết bị	bảng tính chi tiết	711.363.636	71.136.364	782.500.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	3% %*G <sub>KS</sub>	2.058.254	205.825	2.264.080
2	Chi phí lập BCKTKT	5,581 %*(G <sub>XD</sub> +G <sub>TB</sub> )	121.546.752	12.154.675	133.701.428
3	Chi phí khảo sát	bảng tính chi tiết	68.608.476	6.860.848	75.469.324
4	Chi phí thẩm tra BCKTKT	1,2*(TTTK+TTDT)	11.058.484	1.105.848	12.164.333
4.1	Chi phí thẩm tra thiết kế (TTTK)	0,290 %*G <sub>SBXD</sub>	4.252.812	425.281	4.678.093
4.2	Chi phí thẩm tra dự toán (TTDT)	0,282 %*G <sub>SBXD</sub> *1,2	4.962.592	496.259	5.458.851
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát	4,072 %*G <sub>KS</sub>	2.793.737	279.374	3.073.111
	<b>Tổng cộng (1+2+3+4+5)</b>		<b>206.065.705</b>	<b>20.606.570</b>	<b>226.672.275</b>

**Bảng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi năm đồng./.**



## DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT

Công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khi GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m.

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>		<b>Khảo sát địa hình</b>				
<b>1.1</b>		<b>Phần đường dây trung thế</b>				
1	CK.11540	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	100ha	0,0278	178.178.771	4.960.497
2	CH.21140	Công tác đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không, đo vẽ tuyến đường dây 22kV hoặc 35kV; cấp địa hình IV	100m	11,2800	2.239.546	25.262.079
3	TT1	Cắm cọc trung gian (Tính = 20% đơn giá đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không 35KV, cấp địa hình IV)	100m	9,2800	459.889	4.267.770
4	TT1	Phục hồi và bàn giao tuyến (Tính = 20% đơn giá đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không 35KV, cấp địa hình IV)	100m	9,2800	459.889	4.267.770
<b>1.2</b>		<b>Phần trạm biến áp</b>				
5	CK.11340	Đo vẽ chi tiết bản đồ trạm biến áp; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	1 ha	0,5000	5.395.497	2.697.749
<b>1.3</b>		<b>Phần đường dây 0,4kV</b>				
6	CK.11540	Đo vẽ chi tiết tuyến đường dây 0,4kV; bản đồ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, cấp địa hình IV	100ha	0,0329	178.178.771	5.863.863
7	TT1	Cắm cọc trung gian (Tính = 20% đơn giá đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không, cấp địa hình IV)	100m	10,9700	459.889	5.044.982
8	TT1	Phục hồi và bàn giao tuyến (Tính = 20% đơn giá đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không, cấp địa hình IV)	100m	10,9700	459.889	5.044.982
9	TT	Khảo sát tuyến cũ phục vụ thay dây	Công	3,0000	590.692	1.772.076



STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
II		<b>Khảo sát địa chất</b>				
10	TT	Công điều tra địa chất các công trình lân cận	Công	5,0000	590.692	2.953.460
11	CB.21310	Đo điện trở suất	quan sát	4,0000	3.185.851	12.743.404
III		<b>Khảo sát khí tượng thủy văn</b>				
12	TT	Thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn trên toàn tuyến	Công	1,0000	590.692	590.692
		<b>Tổng cộng</b>				<b>75.469.324</b>
<i>Bằng chữ: Bảy mươi năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng.</i>						



Số: 1170/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 10 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công vốn Ngân sách Nhà nước năm 2019, tỉnh Điện Biên.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2016; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ;

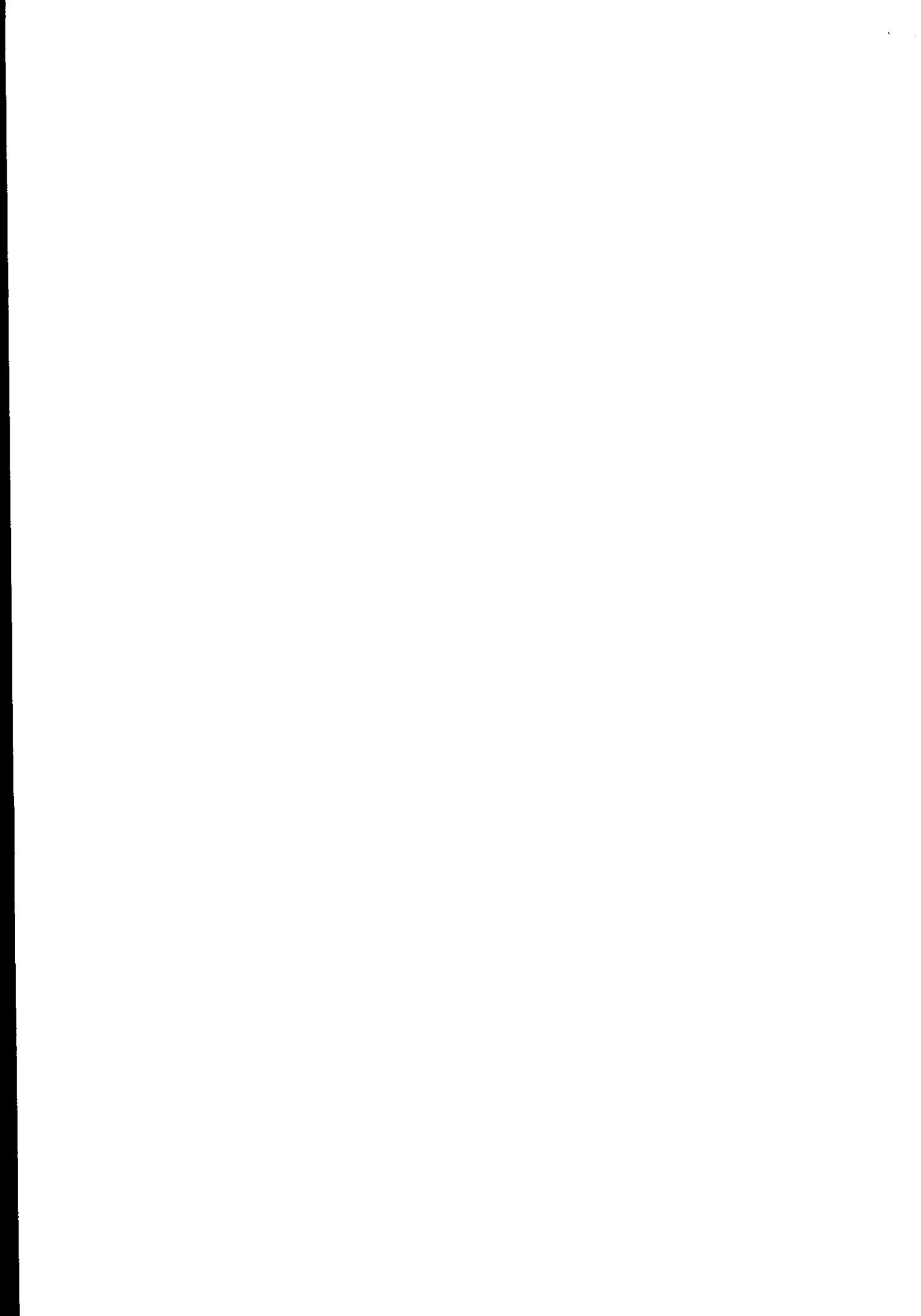
Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 613/QĐ-BKHĐT ngày 28/4/2017 giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn TPCP giai đoạn 2017-2020 và năm 2017; Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ KH đầu tư vốn NSNN năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIV - kỳ họp thứ 7 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 (Điều chỉnh) và Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018; Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIV - kỳ họp thứ 9 về phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công vốn Ngân sách Nhà nước năm 2019, tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**





**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương và chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch đầu tư công vốn Ngân sách nhà nước năm 2019, tỉnh Điện Biên; cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương và chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 là 5.465 tỷ 944 triệu đồng, bao gồm:

1.1. *Vốn cân đối ngân sách địa phương:* 3.158 tỷ 103 triệu đồng (trong đó: nguồn vốn dự phòng 10% là 315 tỷ 810 triệu đồng);

1.2. *Vốn chương trình mục tiêu quốc gia:* 2.307 tỷ 841 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

2. Giao danh mục và vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước năm 2019 là 1.836 tỷ 752 triệu đồng, bao gồm:

a. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 645 tỷ 975 triệu đồng;

b. Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu: 262 tỷ 360 triệu đồng;

c. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 712 tỷ 773 triệu đồng;

d. Vốn nước ngoài: 155 tỷ 254 triệu đồng;

e. Vốn Trái phiếu Chính phủ: 60 tỷ 390 triệu đồng;

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ danh mục và kế hoạch vốn được giao tại Quyết định này. Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

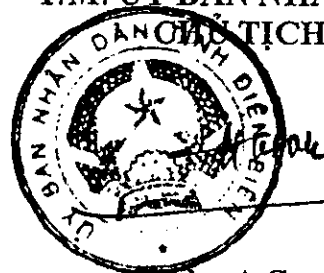
**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh các nội dung tương ứng tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Điện Biên; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*α*

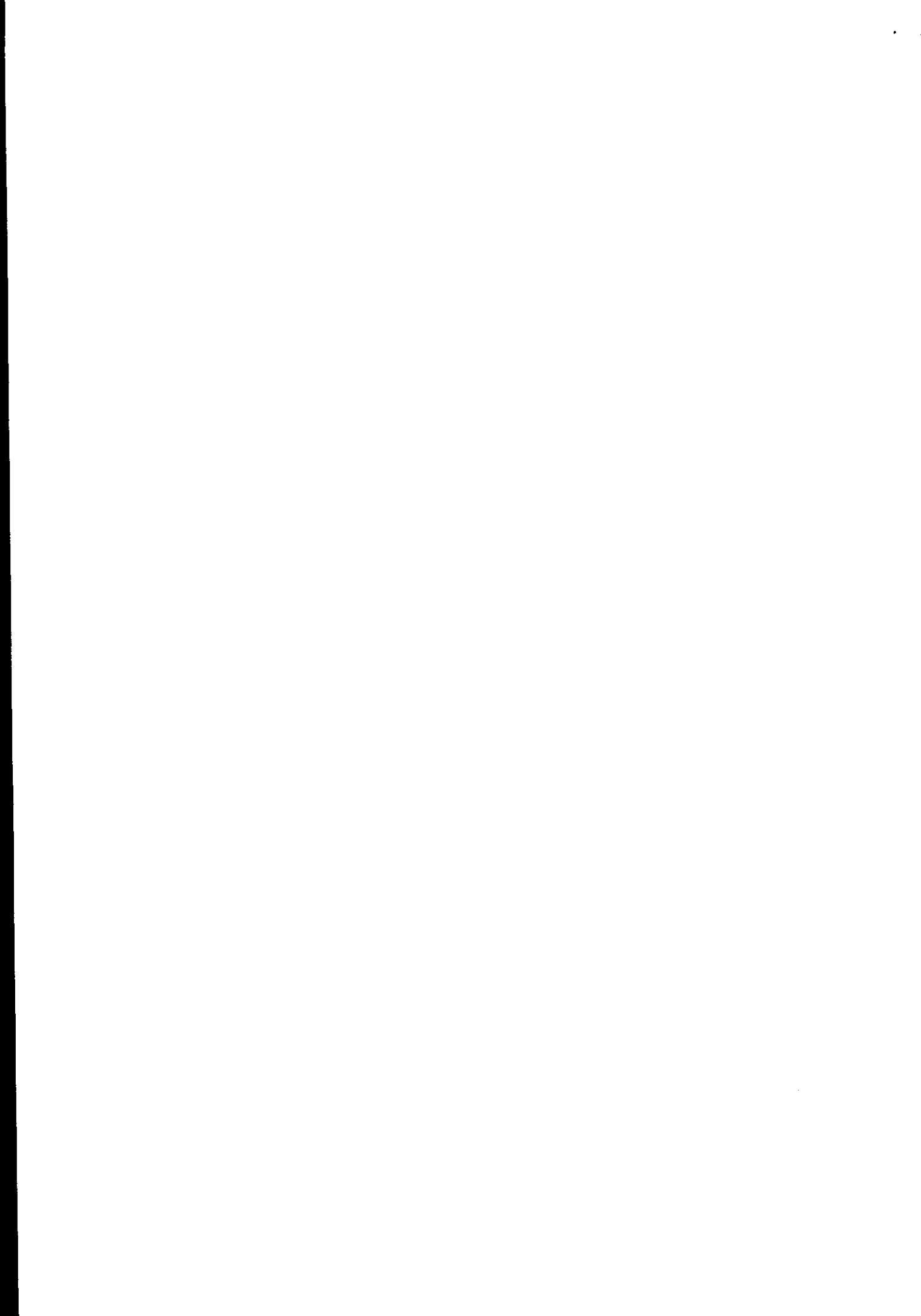
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ (B/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND;
- LĐ UBND tỉnh;
- UBND các huyện (TX, TP);
- LĐVP + CV các khối;
- Lưu: VT, TH.

T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN



Mùa A Sơn



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1224/UBND-TH

Điện Biên, ngày 03 tháng 5 năm 2019

V/v phê duyệt phương án GPMB  
xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ  
thuật khung trụ sở cơ quan, khu  
công cộng, khu thương mại dịch  
vụ dọc đường 60m

Kính gửi:

- Các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Điện Biên Phủ.

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 566/TTr-SCT ngày 24/4/2019 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật đường điện khí GPMB xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường 60m; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Theo các quy định tại Luật đất đai 2013 và Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cho UBND thành phố quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư bổ sung đoạn tuyến đường nối từ Võ Nguyên Giáp đến khu tái định cư Noong Bua thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (nối tiếp khu tái định cư Noong Bua với khu tái định cư Pú Túu thị trấn huyện Điện Biên) và dự án hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc đường trục 60m; đơn vị có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư cho Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m là UBND thành phố Điện Biên Phủ (Dự án được đầu tư trên địa bàn Phường Him Lam và phường Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ). Do đó, UBND tỉnh không xem xét phê duyệt nội dung trình của Sở Công Thương tại Tờ trình số 566/TTr-SCT ngày 24/4/2019.

2. Giao UBND thành phố Điện Biên Phủ căn cứ kết quả thẩm định của Sở Công Thương tại Tờ trình số 566/TTr-SCT ngày 24/4/2019 để xem xét phê duyệt và tổng hợp vào phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư chung của dự án theo đúng các quy định hiện hành.

3. Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Điện Biên Phủ quyết liệt chỉ đạo các đơn vị tập trung nhân lực, máy móc để thực hiện hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư và thi công các điểm tái định cư của Dự án theo đúng tiến độ yêu cầu tại Thông báo số 05/TB-UBND ngày 06/3/2019 của UBND tỉnh.

Nhận được văn bản này, UBND thành phố Điện Biên Phủ, các đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện đảm bảo nội dung, yêu cầu trên. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành ủy thành phố Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, TĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

